

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196 /2018/DS-PT
Ngày: 15 - 5 - 2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương
Ông Lê Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2017/DSST ngày 14/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 379/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị V, sinh năm 1961;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm: 1994 (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/8/2017);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Dương Thị B, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M A, xã H, huyện C, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt);

2. NLQ2, sinh năm: 1978 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, Tiền Giang

- *Những người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1973 (có mặt);

2. NLC2, sinh năm 1971 (có mặt);
 3. NLC3, sinh năm 1958 (vắng mặt);
 4. NLC4, sinh năm 1990 (có mặt);
 5. NLC5, sinh năm 1977 (có mặt);
 6. NLC6, sinh năm 1960 (có mặt);
 7. NLC7, sinh năm 1985 (có mặt);
 8. NLC8, sinh năm 1964 (vắng mặt)
 9. NLC9, sinh năm 1979 (có mặt);
 10. NLC10, sinh năm 1976 (có mặt);
 11. NLC11, sinh năm 1955 (có mặt);
 12. NLC12, sinh năm 1980 (có mặt);
 13. NLC13, sinh năm 1969 (vắng mặt);
 14. NLC14 (có mặt);
 15. NLC15, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);
- Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
16. NLC16 (có mặt);
 17. NLC17, sinh năm 1969 (có mặt);
- Địa chỉ: ấp M A, xã H, huyện C, Tiền Giang.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn Dương Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Ngọc H - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị V trình bày:

Bà Huỳnh Thị V làm chủ thảo, bà B là hội viên tham gia chơi các dây hội như sau:

+ Dây hội thứ nhất: Dây hội mùa 5.000.000 đồng, khai vụ Đông – Xuân năm 2012 âm lịch, một năm mở 03 kỳ, có 17 phần. Bà B tham gia 01 phần, đã hốt kỳ khai thứ tư và nhận đủ tiền, đóng được 10 kỳ hội chết, còn nợ lại 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng. Hội đến thời điểm này đã mãn.

+ Dây hội thứ hai : Dây hội mùa 2.000.000 đồng, khai vụ Đông – Xuân năm 2013 âm lịch, hội mãn vào vụ Đông - Xuân năm 2018 âm lịch, một năm mở 03 kỳ, có 16 phần. Bà B tham gia 01 phần, đã hốt kỳ khai đầu tiên và nhận đủ tiền, đóng được 07 kỳ hội chết, còn lại 08 kỳ, trong đó 06 kỳ chưa đóng hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng và 02 kỳ chưa đến hạn với số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ ba: Dây hội mùa 2.000.000 đồng, khai vụ Đông – Xuân năm 2013 âm lịch, hội mãn vào vụ Hè – Thu năm 2018 âm lịch, một năm mở 03 kỳ,

có 17 phần. Bà B tham gia 01 phần, đã hót kỳ khai thứ 8 và nhận đủ tiền, đóng được 07 kỳ hội chết, còn lại 09 kỳ hội chết, trong đó 06 kỳ chưa đóng hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng và 03 kỳ chưa đến hạn với số tiền là 6.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội tính đến mãi bà B còn nợ bà V 64.000.000 đồng, trong đó 54.000.000 đồng đến hạn và 10.000.000 đồng chưa đến hạn.

Nay chị H yêu cầu bà B trả cho bà V 54.000.000 đồng, trả một lần và trả 10.000.000 đồng theo các kỳ khai hội tiếp theo của hai dây hội chưa mãi. Ngoài ra, chị H yêu cầu bà B hoàn trả cho bà V chi phí giám định chữ ký của NLQ1, NLQ2 số tiền 5.400.000 đồng.

- Bị đơn bà Dương Thị B trình bày:

Bà là hàng xóm với bà V, bà có tham gia chơi hội do bà V làm chủ thảo. Bà có tham gia 03 dây hội mùa: 01 dây hội 5.000.000 đồng và 02 dây hội 2.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm khai hội. Sau khi bà hót 01 dây hội 2.000.000 đồng thì vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2 hỏi mượn tiền bà, bà mới lập hợp đồng sang 03 dây hội vào ngày 19/02/2012 lại cho NLQ1, NLQ2. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của bà V vì bà đã sang 03 dây hội lại cho vợ chồng NLQ1, NLQ2, bà không có trách nhiệm đóng hội chết cho bà V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1, chị NLQ2 cùng trình bày:

Vợ chồng anh chị không có sang hội của bà B. Anh chị hoàn toàn không biết việc chơi hội giữa bà V và bà B. NLQ1, NLQ2 không có ý kiến gì và xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 160, 161, 162, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, khoản 1 Điều 471, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V.

Buộc bà Dương Thị B trả cho bà V số tiền 64.000.000 đồng, cách trả như sau:

- + Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật 54.000.000 đồng làm một lần.
- + Mùa lúa vụ Thu – Đông tháng 9 năm 2017 trả 4.000.000 đồng.
- + Mùa lúa vụ Đông – Xuân tháng 02 năm 2018 trả 4.000.000 đồng.
- + Mùa lúa vụ Hè - Thu tháng 6 năm 2018 trả 2.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Buộc bà Dương Thị B hoàn trả chi phí giám định hợp lý cho bà V số tiền là 2.700.000 đồng.

Không chấp nhận bà V yêu cầu bà B trả thêm 2.700.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả

tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị V số tiền 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 05168 ngày 06/5/2016 và biên lai thu số 05464 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26 tháng 9 năm 2017, bị đơn bà Dương Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án án dân sự sơ thẩm số: 123/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, bác yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội đối với nguyên đơn Huỳnh Thị V.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bị đơn Dương Thị B (tên thường gọi B Q): xác định có chơi 03 phần hội do nguyên đơn Huỳnh Thị V làm chủ như nguyên đơn khởi kiện, nhưng đã bán các dây hội này cho vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2, theo tờ “Hợp đồng sang hội ngày 19 tháng 2 năm 2012”, nên không đồng ý trả số nợ hội theo yêu cầu của bà V, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Huỳnh Thị Ngọc H - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ trả tổng cộng 64.000.000 đồng tiền nợ hội chết cho bà V, trong đó: 62.000.000 đồng đã đến kỳ thanh toán của hai dây hội 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng chưa đến kỳ thanh toán nhưng bà V vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết và thực hiện việc trả nợ khi đến kỳ thanh toán là vụ lúa Hè - Thu vào tháng 6 năm 2018.

- Lời trình bày của những người làm chứng:

Người làm chứng bà NLC1, bà NLC2 trình bày: NLC1, NLC2 không có chơi cùng với bà B trong 03 dây hội mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán, cũng không biết việc bà B làm hợp đồng sang hội cho vợ chồng NLQ1, NLQ2. Chị Lũy, chị Lắm thừa nhận có chơi hội do chị Vui làm chủ và khi hốt chủ hội có yêu cầu ghi nhận số tiền hốt hội vào sổ do chủ hội giữ, chủ hội giao cho hội viên một phiếu ghi tổng số hội viên tham gia, số tiền bỏ hội và số tiền hốt hội.

Những người làm chứng: NLC13; NLC6; NLC15; NLC3; NLC5; NLC11 xác định có chơi cùng dây hội 5.000.000 đồng khui vụ vào vụ Đông Xuân 2012 với đương sự Dương Thị B và bà B đã hốt hội; ngoài ra bà B còn chơi chung dây hội 2.000.000 đồng với bà Dừa, ông Hùng hội khui vào vụ lúa Đông Xuân 2013.

Đối với dây hội 2.000.000 đồng vụ Đông Xuân 2013, những người làm chứng NLC5; NLC13, NLC15, NLC16, NLC4, NLC12, NLC10, NLC9, NLC7, NLC17 khai

nhận: Bà Dương Thị B có tham gia dây hụi theo thời gian vụ lúa như nguyên đơn trình bày và biết việc bà B đã hốt hụi chưa đóng hụi chết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Dương Thị B không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác, lời khai của bị đơn nại việc sang hụi cho vợ chồng Đông, Vân là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp là hợp đồng góp hụi theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và thẩm quyền giải quyết vụ án theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Các đương sự NLQ1 và NLQ2 có đơn xin vắng mặt và các đương sự đã thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, nên việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp, các tài liệu và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thống nhất thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng góp hụi, về thời gian góp hụi, số tiền các dây hụi là (một dây 5.000.000 đồng, hai dây hụi 2.000.000 đồng). Theo nguyên đơn trình bày: do bị đơn đã hốt hết ba dây hụi nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn với số tiền cả ba dây hụi đã hốt là 64.000.000 đồng (trong đó: có 54.000.000 đồng tiền hụi chết đã đến hạn; 10.000.000 đồng chưa đến hạn trả theo kỳ khai hụi: vụ Thu Đông tháng 9/2017 hụi 2.000.000 đồng x 02 kỳ = 4.000.000 đồng, vụ Đông Xuân tháng 2/2018 hụi 2.000.000 đồng x 02 kỳ = 4.000.000 đồng, vụ Hè Thu tháng 6/2018 hụi 2.000.000 đồng x 01 kỳ = 2.000.000 đồng). Bị đơn bà Dương Thị B xác định bà có chơi ba dây hụi của bà Huỳnh Thị V nhưng sau đó bà đã bán ba dây hụi này cho vợ chồng NLQ1, NLQ2, nên bà không có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà V, thể hiện bằng hợp đồng sang hụi ngày 19/02/2012, bên dưới có ghi tên người sang hụi là bà B, người nhận hụi là NLQ1, NLQ2 và người chứng kiến là bà V. NLQ1, NLQ2 không thừa nhận việc sang hụi với bà B và cũng không có viết hợp đồng sang hụi với bà B, bà B cũng không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giám định chữ viết của hợp đồng để xác định hợp đồng này ai viết vì bà cho rằng NLQ1 đưa cho bà ký, bà cũng không có viết hợp đồng này. Ngoài ra, bà B không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác để xác định giữa bà và NLQ1, NLQ2 thực hiện hợp đồng sang hụi như bà trình bày. Nguyên đơn Huỳnh Thị V cũng không thừa nhận việc sang hụi giữa bà B và vợ chồng NLQ1, NLQ2.

Đến thời điểm xét xử phúc thẩm đây hội vụ Thu Đông tháng 9/2017 hội 2.000.000 đồng x 02 kỳ = 4.000.000 đồng, vụ Đông Xuân tháng 2/2018 hội 2.000.000 đồng x 02 kỳ = 4.000.000 đồng đã đến hạn phải trả nên bà B phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ hội trên khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với phần hội vụ Hè - Thu chưa tới hạn, khi đến hạn thì thực hiện việc trả nợ vào thời điểm vụ Hè - Thu (tháng 6/2018) với số tiền 2.000.000 đồng x 01 kỳ = 2.000.000 đồng.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa bà B trình bày bà đã tham gia ba dây hội và đã hốt 01 dây, sau đó mới sang 03 dây hội cho vợ chồng NLQ1, NLQ2. Tuy nhiên, việc sang hội giữa bà B, NLQ1, NLQ2 theo hợp đồng thể hiện chưa rõ ràng về số tiền đã sang hội, việc bà B hốt dây hội sang lại như thế nào, bà B cũng không chứng minh được, việc sang hội giữa bị đơn và NLQ1, NLQ2 với số tiền tương đối nhiều nhưng bà B nói đưa qua ký nhưng không có sự thỏa thuận với chủ hội là bà V để thực hiện hợp đồng giao dịch này, trong khi đó bà B phải có nghĩa vụ với chủ hội về việc đóng hội chết khi hốt hội. Do đó, bà B phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của mình trong giao dịch hợp đồng góp hội với bà V.

[5] Lời trình bày của bị đơn chưa có căn cứ cơ sở để chấp nhận, bị đơn cho rằng bán hội cho NLQ1, NLQ2 nhưng ngày ký thể hiện bằng hợp đồng sang hội ngày 19/02/2012 có nghĩa là ngày ký hợp đồng sang hội có trước khi các phần hội này được mở, do đó không thể chưa chơi hội mà sang hội lại cho người khác, nên lời trình bày của bị đơn Dương Thị B là không có căn cứ, không thể chấp nhận.

Bà Dương Thị B khai nại rằng đã sang hội cho vợ chồng NLQ1, NLQ2 nên không có trách nhiệm về việc đóng hội chết cho bà V là không có cơ sở chấp nhận vì không được chủ hội là bà V chấp nhận, nếu giữa bà và NLQ1, NLQ2 phát sinh tranh chấp thì bà B có thể khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu NLQ1, NLQ2 thực hiện nghĩa vụ đối với bà.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn về chữ ký của NLQ1, NLQ2 trong hợp đồng sang hội do bị đơn cung cấp. Căn cứ Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng cục cảnh sát Bộ Công an số: 1992/C54B “Không kết luận giám định được chữ ký dạng chữ viết đọc được “Đông”; “Vân” dưới mục “người nhận hội” trên tài liệu cần giám định: “Hợp đồng sang hội” đề ngày 19/02/2012 (ký hiệu A) so với mẫu chữ ký, chữ viết tương ứng đứng tên NLQ1 và NLQ2 trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M9) là có phải do cùng một người ký (viết) ra hay không. Căn cứ vào kết quả giám định nêu trên chưa có căn cứ xác định việc NLQ1, NLQ2 và bà B ký kết hợp đồng sang hội như bà B trình bày.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp, bổ sung các tài liệu, chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập, chứng cứ, giám định tài liệu để chứng minh việc sang hội giữa bà với NLQ1, NLQ2. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận việc kháng cáo của bị đơn.

[8] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không có căn cứ chấp nhận việc kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị B, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, khoản 1 Điều 471, 688 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V.

Buộc bà Dương Thị B trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 64.000.000 đồng, cách trả như sau:

+ Trả số tiền là 62.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Trả vào Mùa lúa vụ Hè - Thu (tháng 6 năm 2018) trả 2.000.000 đồng.

+ Về chi phí giám định: Buộc bà Dương Thị B hoàn trả chi phí giám định hợp lý cho bà V số tiền là 2.700.000 đồng.

+ Không chấp nhận bà V yêu cầu bà B trả thêm 2.700.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị B phải chịu 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị V số tiền 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 05168 ngày 06/5/2016 và biên lai thu số 05464 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Dương Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07540 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP.HCM;
 - VKSND tỉnh TG;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Hoàng Hiệp